

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hà Ngân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Ông Hoàng Văn Bửu

2) Bà Nguyễn Thị Thuận

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thử - Thư ký tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị  
Ái - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 và ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án B Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2020/TLST-DS ngày 17/02/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐST-DS, ngày 17/7/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 35/2020/QĐST-DS ngày 10/9/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ 01, khối 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Th, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn 03, xã Tr, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1) Bà Trần Như T1

Địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1) Bà Trần Thị T3

Địa chỉ: Tổ 01 khối 6, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt

2) Chị Trần Thị S

Địa chỉ: Thôn 03, xã Tr, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

3) Chị Đặng Thị Tr

Địa chỉ: Thôn 06, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Do quen biết và gần nhà nhau nên vào cuối năm 2019, bà đã cho chị Th vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 900.000.000đ, khi vay hai bên chỉ đưa tay và không lập giấy tờ gì, không có người làm chứng

Từ đầu năm 2020, bà T đòi chị Th nhiều lần nhưng chị Th cứ khất nợ, vì vậy ngày 06/2/2020, bà yêu cầu chị Th phải viết giấy nhận nợ với số tiền là 900.000.000đ. Sau khi viết giấy nhận nợ, chị Th vẫn không chịu trả nợ, vì vậy bà T khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu chị Th trả số tiền 900.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đặng Thị Th trình bày: Qua quen biết, và khoảng tháng 10/2019, chị có vay của bà T số tiền 400.000.000đ, khoảng hơn một tháng sau (không nhớ ngày cụ thể), chị đã có tiền và đang định đi trả cho bà T thì bà Trần Như T1 đề nghị được vay lại số tiền này, chị đã gọi điện thoại cho bà T để hỏi ý kiến có đồng ý cho bà T1 vay lại số tiền này không, bà T đồng ý nên chị đã đưa số tiền trên cho bà T1, vì vậy số tiền 400.000.000đ trên là khoản nợ của bà T1 với bà T, và theo chị biết, sau đó bà T1 có trả lãi hàng tháng cho bà T, khoản nợ đã được chuyển từ chị sang bà T1, vì vậy chị không còn liên quan đến khoản tiền này nữa. Vì tin tưởng nhau, nên khi chị nhận tiền từ bà T và đưa cho bà T1, đều chỉ đưa tay, không lập giấy tờ gì.

Khoảng cuối tháng 11/2019, chị Th có vay thêm từ bà T số tiền 500.000.000đ, số tiền này chị cũng cho bà T1 vay, việc đưa tiền cho bà T1 làm nhiều lần, có lần giao tiền cho người thân là con dâu của bà T1, nhưng cũng không lập giấy tờ văn bản gì. Tuy nhiên số tiền 500.000.000đ vay lần 2 này, chị thừa nhận đây là khoản vay của chị với bà T, và chị đồng ý trả khoản nợ này cho bà T.

Đối với tài liệu, chứng cứ mà bà T đưa ra là một giấy ghi nhận nợ ngày 06/2/2020, chị có ý kiến tài liệu trên là thật, giấy do chị tự tay viết vào trưa ngày 06/2/2020 tại quán cà phê Cây si thị trấn E, tuy nhiên theo chị mặc dù không phải bị cưỡng ép, nhưng vì các bên ngồi lại đã thống nhất, chị ghi nhận nợ với bà T 900.000.000đ, nhưng bà T1 phải ghi nhận nợ với chị số tiền 400.000.000đ, nên chị mới viết, nhưng vì sau đó bà T1 lại không ghi nhận nợ với chị như đã hứa, nên chị không chấp nhận đây là khoản nợ của chị đối với bà T nữa.

Chứng cứ chị đưa ra là các đoạn ghi âm, trong đó có lời nói của bà T thừa nhận là sau khi nghe chị gọi điện hỏi ý kiến, bà T có gọi điện thoại hỏi cho bà T1, và đồng ý cho bà T1 vay lại, và có lời nói có của bà T1 nói là đã trả nợ hết cho chị Th từ trước tết số tiền đã nợ 400.000.000đ, tức là bà T1 thừa nhận có nợ tiền của chị.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Trần Như T1 trình bày: Bà thừa nhận việc bà T có gọi điện cho bà, nhưng không phải là việc hỏi bà có vay tiền không, mà là hỏi bà việc chị Th cho người khác vay tiền có được không. Bà thừa nhận có nhận từ chị Th số tiền 400.000.000đ, nhưng không phải là vay chị Th, khi đó giữa bà và chị Th có làm ăn chung, bà nhận tiền từ chị Th để đi đáo hạn ngân hàng và bà đã đưa số tiền này trả lại cho chị Th từ trước tết 2020. Bà không thừa nhận có vay chị Th, không thừa nhận có vay của bà T.

- *Người làm chứng chị Bùi Thị S trình bày:* Chị chỉ chứng kiến vào sáng ngày 05/2/2020, chị có ngồi uống cà phê và nghe nói có việc bà T1 vay của chị Th, chị không nghe thấy ai nói chị Th có nợ bà T1.

- *Người làm chứng chị Trần Thị T2 trình bày:* Vào trưa ngày 06/2/2020, chị được chị gái là bà T gọi ra quán cà phê Cây si và chứng kiến việc chị Th có viết giấy nhận nợ với bà T, còn bà T1 có thừa nhận nợ với chị Th.

- *Người làm chứng chị Đặng Thị Tr trình bày:* Chị là người ghi âm và chứng kiến việc bà T xác nhận có gọi điện cho bà T1 hỏi việc vay bốn trăm triệu và chứng kiến bà T1 có nói đã trả nợ cho chị Th từ trước tết.

Tại phiên tòa bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về nội dung ghi âm của chị Th cung cấp bà thừa nhận là giọng nói của bà và thừa nhận nội dung: Có gọi điện cho bà T1 về việc muốn vay lại 400.000.000đ hay không, bà T1 nói có và bà đồng ý. Tuy nhiên vì sau đó, khi bà đòi nợ, bà T1 nói đã trả chị Th, giữa chị Th và bà T1 đùn đẩy qua lại nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 06/02/2020, theo yêu cầu của bà, các bên ngồi lại thống nhất, chị Th đã nhận nợ với bà 900.000.000đ, nên bà yêu cầu chị Th phải trả là 900.000.000đ.

Bị đơn Chị Th giữ nguyên ý kiến, chỉ đồng ý trả 500.000.000đ vay lần thứ hai, còn số tiền 400.000.000đ vay lần thứ nhất, chị không đồng ý trả nợ, lý do là chị đã bị bà T1 lừa dối, bà T1 không chịu ghi giấy nhận nợ với chị như đã hứa.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Trần Như T1 giữ nguyên ý kiến: Bà không thừa nhận nội dung là hỏi vay tiền 400.000.000đ như bà T, chị Th đã trình bày, bà thừa nhận có nhận số tiền 400.000.000đ từ chị Th, nhưng bà đã trả lại cho chị Th từ trước tết 2020, bà không nợ với bà T và chị Th.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Bị đơn trả số tiền 900.000.000đ cho Nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2]. *Về nội dung:*

Về ý kiến của chị Th cho rằng, số tiền 400.000.000đ vay lần đầu vào tháng 10/2019 đã được chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà T1, đối chiếu quy định pháp luật về việc

chuyển giao nghĩa vụ trả nợ tại điều 370 Bộ luật dân sự, thì việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ phải có sự thống nhất của các bên. Trong vụ án này, mặc dù bà T đã thừa nhận ban đầu đồng ý cho bà T1 vay số tiền trên, tuy nhiên sau đó khi bà đòi thì bà T1 nói là đã trả cho chị Th, giữa chị Th và bà T1 hai bên cứ đùn đẩy trách nhiệm trả nợ, nên bà yêu cầu các bên gặp nhau tại quán cà phê Cây si vào trưa ngày 06/2/2020, bà yêu cầu ai là người trực tiếp nhận tiền thì người đó phải nhận nợ, chị Th đã đồng ý ghi nhận nợ với bà. Còn bà T1 cho rằng, có nhận từ chị Th số tiền 400.000.000đ, nhưng đã đưa lại chị Th từ trước tết, đó cũng không phải là tiền vay nợ, mà là tiền góp để làm ăn chung. Như vậy, giữa ba bên là bà T, chị Th, bà T1 đã không có sự thống nhất về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số tiền 400.000.000đ từ chị Th sang bà T1. Vì vậy, ý kiến của chị Th cho rằng không còn nợ bà T số tiền 400.000.000đ vay tháng 10/2019 là không được chấp nhận.

Trong khi đó, chứng cứ, tài liệu bà T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 giấy viết tay, có chữ ký của chị Th, nội dung chị Th xác nhận có vay của bà T số tiền 900.000.000đ, chị Th thừa nhận chứng cứ, tài liệu trên là đúng sự thật. Chị Th cũng thừa nhận, khi viết giấy vay nợ, không hề bị bà T ép buộc, lừa dối, nên không thể cho rằng thỏa thuận trên là vô hiệu, cần xác định chị Th nợ bà T toàn bộ số tiền 900.000.000đ.

Đối với quan hệ vay nợ giữa chị Th với bà T1, HĐXX thấy, qua đối chất, bà T1 đã thừa nhận có nhận từ chị Th số tiền 400.000.000đ, nhưng cho rằng đã đưa lại cho chị Th từ trước tết, mặc dù giữa lời khai của chị Th và bà T1 chưa có sự thống nhất, còn mâu thuẫn, nhưng đây là quan hệ pháp luật dân sự khác, không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án này, HĐXX thấy cần tách giải quyết trong vụ án khác nếu các bên có yêu cầu.

[3]. Về lãi suất: Các đương sự không có yêu cầu, HĐXX không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T;

**1.** Buộc chị Đặng Thị Th phải trả bà Trần Thị T tổng số tiền nợ là: 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

**2. Về án phí:** Buộc chị Đặng Thị Th phải nộp 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.500.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 00006xx ngày 17/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- UBND xã Tr;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa  
(đã ký)

**Dương Hà Ngân**